

Họ và tên học sinh:Lớp:

Tô vào một ô tròn trong phiếu trả lời trắc nghiệm tương ứng với một chữ cái A, B, C hoặc D đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Cá rô phi có giới hạn chịu đựng về nhiệt độ là 5°C đến 42°C , điểm cực thuận là 30°C . Nhận định nào sau đây là ĐÚNG?

A. Cá rô phi sinh trưởng và phát triển thuận lợi khi nhiệt độ dưới 5°C và trên 42°C .

B. Trong khoảng từ 5°C đến 42°C cá rô phi sẽ chết.

C. Cá rô phi sinh trưởng và phát triển kém ở nhiệt độ 30°C .

D. Cá rô phi sinh trưởng và phát triển thuận lợi trong khoảng nhiệt độ từ 5°C đến 42°C .

Câu 2. Trong thực tiễn sản xuất nông nghiệp, dựa vào khả năng thích nghi với điều kiện chiếu sáng khác nhau, để tăng năng suất cây trồng, con người đã sử dụng biện pháp

A. trồng cây với mật độ thưa.

B. trồng xen kẽ cây ưa bóng dưới tán cây ưa sáng.

C. phun thuốc bảo vệ thực vật.

D. trồng cây với mật độ dày.

Câu 3. Trong sản xuất, biện pháp để giảm sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể sinh vật, làm tăng năng suất vật nuôi là

A. tách đàn khi số lượng vật nuôi lớn.

B. nhốt riêng con đực và con cái.

C. tiêm phòng bệnh đầy đủ.

D. nuôi nhiều vật nuôi trong cùng một chuồng nuôi.

Câu 4. Dựa vào ảnh hưởng của nhiệt độ lên đời sống sinh vật, sinh vật được chia thành hai nhóm là nhóm sinh vật

A. ưa sáng và ưa tối.

B. biến nhiệt và hằng nhiệt.

C. ưa lạnh và chịu hạn.

D. ưa nóng và ưa lạnh.

Câu 5. Môi trường sống của sinh vật là nơi

A. sinh vật kiếm ăn và làm chỗ ở trong nước, mặt đất, trong không khí.

B. sinh sống của sinh vật, bao gồm tất cả những gì bao quanh chúng.

C. sinh vật tìm kiếm thức ăn, nước uống trên mặt đất, trong nước.

D. sinh vật sinh trưởng, phát triển, sinh sản.

Câu 6. Nhiều loài chim di cư có thể bay được hàng nghìn kilômet đến nơi ấm áp để tránh mùa đông giá lạnh. Nhân tố nào giúp các loài chim này định hướng di chuyển trong không gian?

A. Nhiệt độ.

B. Độ ẩm.

C. Ánh sáng.

D. Không khí.

Câu 7. Trong những đặc trưng của quần thể, đặc trưng nào quan trọng nhất?

A. Mật độ quần thể.

B. Tỷ lệ tử vong.

C. Tỷ lệ giới tính.

D. Thành phần nhóm tuổi.

Câu 8. Sinh vật nào là sinh vật hằng nhiệt?

A. Lưỡng cư.

B. Bò sát.

C. Thú.

D. Cá.

Câu 9. Trường hợp nào dẫn đến sự cạnh tranh giữa các sinh vật cùng loài?

A. Số lượng các cá thể tăng lên quá cao.

B. Vào mùa sinh sản các cá thể đực cái tìm đến nhau.

C. Chỗ ở đầy đủ, mật độ cá thể phù hợp.

D. Nguồn thức ăn trong môi trường dồi dào.

Câu 10. Mối quan hệ cộng sinh là sự hợp tác

A. cùng hỗ trợ nhau giữa các sinh vật cùng loài.

B. giữa 2 loài sinh vật, trong đó một bên có lợi còn một bên không có lợi cũng không có hại.

C. cùng có lợi giữa các loài sinh vật.

D. giữa các loài cùng nhau kiếm ăn và chống kẻ thù.

Câu 11. Muốn duy trì ưu thế lai cần sử dụng phương pháp nào?

A. Lai kinh tế.

B. Nhân giống hữu tính.

C. Lai phân tích.

D. Nhân giống vô tính.

Câu 12. Dựa vào ảnh hưởng của độ ẩm lên đời sống thực vật, thực vật được chia thành hai nhóm là

A. thực vật ưa sáng và thực vật ưa tối.

B. thực vật ưa nóng và thực vật ưa lạnh.

C. thực vật ưa ẩm và thực vật ưa khô.

D. thực vật ưa ẩm và thực vật chịu hạn.

Câu 13. Chuột sống trong rừng mưa nhiệt đới có thể chịu ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái như cây cỏ, gỗ mục, kiến, độ ẩm, ánh sáng, ếch nhái, sâu ăn lá cây, thảm lá khô.

Nhóm nhân tố sinh thái hữu sinh tác động lên chuột là

A. cây cỏ, kiến, ếch nhái, thảm lá khô.

B. gỗ mục, độ ẩm, ếch nhái, sâu ăn lá cây.

C. gỗ mục, độ ẩm, ánh sáng, thảm lá khô.

D. cây cỏ, kiến, ếch nhái, sâu ăn lá cây.

Câu 14. Biểu hiện nào KHÔNG PHẢI của hiện tượng thoái hóa do giao phối gần ở động vật?

A. Sinh trưởng, phát triển nhanh.

B. Quái thai.

C. Khả năng sinh sản giảm.

D. Dị tật bẩm sinh.

Câu 15. Về mùa đông giá lạnh, hiện tượng rụng lá ở các cây xanh vùng ôn đới có tác dụng làm

A. tăng diện tích tiếp xúc với không khí lạnh, tăng thoát hơi nước.

B. giảm diện tích tiếp xúc với không khí lạnh, giảm thoát hơi nước.

C. giảm diện tích tiếp xúc với không khí lạnh, tăng thoát hơi nước.

D. tăng diện tích tiếp xúc với không khí lạnh, giảm thoát hơi nước.

Câu 16. Thú có túi sống phổ biến ở khắp châu Úc. Cừu được nhập vào châu Úc, thích ứng với môi trường sống mới dễ dàng và phát triển mạnh, giành lấy những nơi ở tốt, làm cho nơi ở của thú có túi phải thu hẹp lại. Quan hệ giữa cừu và thú có túi trong trường hợp này là mối quan hệ

A. cạnh tranh khác loài.

B. động vật ăn thịt và con mồi.

C. cộng sinh.

D. hội sinh.

Câu 17. Để tạo ưu thế lai ở thực vật, người ta chủ yếu dùng phương pháp nào?

A. Lai khác dòng.

B. Tự thụ phấn.

C. Lai kinh tế.

D. Lai phân tích.

Câu 18. Cho các ví dụ sau:

(1) Cây nắp ấm bắt côn trùng.

(2) Dê và bò cùng ăn cỏ trên một cánh đồng.

(3) Cá ép bám vào rùa biển, nhờ đó cá được đưa đi xa.

(4) Dây tơ hồng sống trên cây nhãn.

Những ví dụ thể hiện mối quan hệ hỗ trợ giữa các sinh vật khác loài là

A. (2) và (3).

B. (3) và (4).

C. (1) và (2).

D. (1) và (4).

Câu 19. Tự thụ phấn ở cây giao phấn gây ra hiện tượng thoái hóa vì tạo ra các cặp gen

A. dị hợp gây hại.

B. trội đồng hợp gây hại.

C. dị hợp có lợi.

D. lặn đồng hợp gây hại.

Câu 20. Một quần thể lợn rừng có số lượng cá thể ở các nhóm tuổi như sau:

- Nhóm tuổi trước sinh sản: 26 con/ha

- Nhóm tuổi sinh sản: 62 con/ha

- Nhóm tuổi sau sinh sản: 10 con/ha

Biểu đồ tháp tuổi phù hợp với quần thể lợn rừng này là

- A. dạng biên thiên. B. dạng phát triển. C. dạng giảm sút. D. dạng ổn định.

Câu 21. Tại sao không dùng con lai F1 để làm giống?

- A. Vì con lai F1 là cơ thể đồng hợp, nếu đem làm giống sẽ tạo ra các tổ hợp gen lặn biểu hiện kiểu hình có hại.
B. Vì con lai F1 là cơ thể dị hợp, nếu đem làm giống sẽ tạo ra các tổ hợp gen trội biểu hiện kiểu hình có hại.
C. Vì con lai F1 là cơ thể đồng hợp, nếu đem làm giống sẽ tạo ra các tổ hợp gen trội biểu hiện kiểu hình có hại.
D. Vì con lai F1 là cơ thể dị hợp, nếu đem làm giống sẽ tạo ra các tổ hợp gen lặn biểu hiện kiểu hình có hại.

Câu 22. Loài A có giới hạn chịu đựng về nhiệt độ là: 10°C đến 38,5°C, điểm cực thuận là 24°C. Loài B có giới hạn chịu đựng về nhiệt độ là: 10,6°C đến 32°C, điểm cực thuận là 22°C. Nhận định nào sau đây là ĐÚNG?

- A. Vùng phân bố của loài A rộng hơn loài B vì có giới hạn dưới thấp hơn.
B. Vùng phân bố của loài B rộng hơn loài A vì có giới hạn dưới cao hơn.
C. Vùng phân bố của loài A hẹp hơn loài B vì có điểm cực thuận thấp hơn.
D. Vùng phân bố của loài A rộng hơn loài B vì có giới hạn chịu nhiệt rộng hơn.

Câu 23. Phát biểu nào SAI về nhân tố sinh thái?

- A. Nhóm nhân tố hữu sinh được chia thành nhóm nhân tố con người và nhóm các sinh vật khác.
B. Là những nhân tố của môi trường tác động lên sinh vật.
C. Gồm nhân tố sinh thái vô sinh và nhóm nhân tố sinh thái hữu sinh.
D. Là những nhân tố của môi trường tác động ít hoặc không tác động lên sinh vật.

Câu 24. Ở thực vật, tỉ lệ thể đồng hợp và thể dị hợp biến đổi như thế nào qua các thế hệ tự thụ phấn bắt buộc?

- A. Tỉ lệ thể đồng hợp tăng, thể dị hợp không đổi.
B. Tỉ lệ thể đồng hợp và thể dị hợp không thay đổi.
C. Tỉ lệ thể đồng hợp tăng, thể dị hợp giảm.
D. Tỉ lệ thể đồng hợp giảm, thể dị hợp tăng.

Câu 25. Trong thực tế, để khắc phục hiện tượng ưu thế lai ở thực vật giảm dần qua các thế hệ, người ta dùng phương pháp

- A. tự thụ phấn. B. giâm, chiết cành. C. lai kinh tế. D. lai khác thứ.

Câu 26. Một số động vật cơ thể có kích thước lớn, lông và lớp mỡ dưới da dày là đặc trưng của động vật sống ở môi trường

- A. ẩm ướt. B. lạnh giá. C. ít ánh sáng. D. khô hạn.

Câu 27. Để tạo ưu thế lai ở động vật, người ta chủ yếu dùng phương pháp nào?

- A. Tự thụ phấn. B. Lai kinh tế. C. Lai khác dòng. D. Lai phân tích.

Câu 28. Dựa vào ảnh hưởng của ánh sáng lên đời sống động vật, động vật được chia thành hai nhóm là nhóm động vật

- A. ưa âm và chịu hạn. B. ưa sáng và ưa bóng.
C. ưa sáng và ưa tối. D. ưa nóng và ưa lạnh.

Câu 29. Giới hạn sinh thái là giới hạn chịu đựng của cơ thể sinh vật đối với

- A. một nhân tố sinh thái nhất định.
B. một số nhân tố sinh thái hữu sinh.
C. môi trường sống của chúng.
D. tất cả các nhân tố sinh thái tác động lên sinh vật.

Câu 30. Trong chọn giống, phương pháp giao phối cận huyết KHÔNG có vai trò nào?

- A. Tập trung các gen trội có lợi vào thế hệ sau.

B. Phát hiện gen xấu để loại ra khỏi quần thể.

C. Đánh giá kiểu gen từng dòng.

D. Duy trì một số tính trạng mong muốn.

Câu 31. Cây bàng, cây phượng vĩ là cây ưa sáng, chúng thường sống ở

A. nơi nhiều ánh sáng tán xạ.

B. dưới tán cây khác.

C. nơi quang đăng.

D. nơi có ánh sáng yếu.

Câu 32. Nhóm động vật ưa sáng là

A. cú mèo, ếch nhái, dơi.

B. vịt, bò câu, dơi.

C. ngựa, trâu, bò.

D. dê, bò, cú mèo.

Câu 33. Những cây sống ở nơi có ánh sáng yếu (trong nhà, dưới tán của cây khác) như cây lá lốt, cây vạn niên thanh thuộc nhóm cây

A. ưa khô.

B. ưa sáng.

C. ưa ẩm.

D. ưa bóng.

Câu 34. Quần thể sinh vật là

A. tập hợp nhiều quần thể sinh vật thuộc các loài khác nhau, cùng sống trong một không gian nhất định và không có mối quan hệ mật thiết với nhau.

B. tập hợp nhiều quần thể sinh vật thuộc các loài khác nhau, cùng sống trong một không gian nhất định và có mối quan hệ mật thiết với nhau.

C. tập hợp những cá thể cùng loài, cùng sống trong một khu vực nhất định, ở một thời điểm nhất định và có khả năng sinh sản tạo thành những thế hệ mới.

D. tập hợp những cá thể khác loài, sinh sống trong một khoảng không gian nhất định.

Câu 35. Khi nói về giới hạn sinh thái, phát biểu nào SAI?

A. Giới hạn sinh thái về nhiệt độ của các loài khác nhau.

B. Ngoài giới hạn chịu đựng, sinh vật sẽ không thể tồn tại được.

C. Giới hạn sinh thái về nhiệt độ của các loài đều giống nhau.

D. Trong khoảng thuận lợi, sinh vật sinh trưởng và phát triển tốt.

Câu 36. Ví dụ nào là quần thể sinh vật?

A. Tập hợp cá thể dê, bò, nai trên một đồng cỏ.

B. Tập hợp cá chép, cá mè, cá rô phi sống chung trong một ao.

C. Các cá thể chuột đồng trên cánh đồng lúa.

D. Tập hợp các cá thể rắn hổ mang, cú mèo, chuột chũi sống trong rừng mưa nhiệt đới.

Câu 37. Tầm gửi sống trên thân cây bưởi. Môi trường sống của tầm gửi là

A. môi trường không khí.

B. môi trường mặt đất.

C. sinh vật.

D. trên cạn.

Câu 38. Chim cu gáy thường xuyên giao phối gần không bị thoái hóa vì hiện tại chúng đang mang những cặp gen

A. dị hợp không gây hại.

B. dị hợp luôn có lợi.

C. trong cơ thể đều có lợi.

D. đồng hợp không gây hại.

Câu 39. Sinh vật thuộc nhóm động vật ưa ẩm là

A. bọ cạp.

B. thằn lằn.

C. ếch.

D. lạc đà.

Câu 40. Phát biểu nào ĐÚNG về đặc điểm của hiện tượng ưu thế lai?

A. Ưu thế lai là hiện tượng cơ thể lai F1 có sức sống cao hơn, sinh trưởng nhanh hơn nhưng khả năng chống chịu với các điều kiện xấu của môi trường kém hơn, năng suất thấp hơn trung bình giữa hai bố mẹ.

B. Ưu thế lai biểu hiện cao nhất ở F1 sau đó giảm dần qua các thế hệ.

C. Ưu thế lai là hiện tượng các thế hệ con cháu có sức sống kém dần, bộc lộ các tính trạng xấu, năng suất giảm.

D. Ưu thế lai biểu hiện thấp nhất ở F1 sau đó tăng dần qua các thế hệ.

----- (HẾT) -----

(Học sinh làm bài ra giấy kiểm tra và nộp lại đề)

Họ và tên học sinh:Lớp:

Tô vào một ô tròn trong phiếu trả lời trắc nghiệm tương ứng với một chữ cái A, B, C hoặc D đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Chuột sống trong rừng mưa nhiệt đới có thể chịu ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái như cây cỏ, gỗ mục, kiến, độ ẩm, ánh sáng, ếch nhái, sâu ăn lá cây, thảm lá khô. Nhóm nhân tố sinh thái hữu sinh tác động lên chuột là

- A. gỗ mục, độ ẩm, ếch nhái, sâu ăn lá cây.
- B. gỗ mục, độ ẩm, ánh sáng, thảm lá khô.
- C. cây cỏ, kiến, ếch nhái, thảm lá khô.
- D. cây cỏ, kiến, ếch nhái, sâu ăn lá cây.

Câu 2. Tự thụ phấn ở cây giao phấn gây ra hiện tượng thoái hóa vì tạo ra các cặp gen

- A. trội đồng hợp gây hại.
- B. lặn đồng hợp gây hại.
- C. dị hợp gây hại.
- D. dị hợp có lợi.

Câu 3. Dựa vào ảnh hưởng của nhiệt độ lên đời sống sinh vật, sinh vật được chia thành hai nhóm là nhóm sinh vật

- A. biến nhiệt và hằng nhiệt.
- B. ưa sáng và ưa tối.
- C. ưa lạnh và chịu hạn.
- D. ưa nóng và ưa lạnh.

Câu 4. Sinh vật thuộc nhóm động vật ưa ẩm là

- A. bọ cạp.
- B. lạc đà.
- C. thằn lằn.
- D. ếch.

Câu 5. Nhóm động vật ưa sáng là

- A. ngựa, trâu, bò.
- B. cú mèo, ếch nhái, dơi.
- C. vịt, bò câu, dơi.
- D. dê, bò, cú mèo.

Câu 6. Cho các ví dụ sau:

- (1) Cây nắp ấm bắt côn trùng.
- (2) Dê và bò cùng ăn cỏ trên một cánh đồng.
- (3) Cá ép bám vào rùa biển, nhờ đó cá được đưa đi xa.
- (4) Dây tơ hồng sống trên cây nhãn.

Những ví dụ thể hiện mối quan hệ hỗ trợ giữa các sinh vật khác loài là

- A. (2) và (3).
- B. (1) và (4).
- C. (3) và (4).
- D. (1) và (2).

Câu 7. Trong thực tiễn sản xuất nông nghiệp, dựa vào khả năng thích nghi với điều kiện chiếu sáng khác nhau, để tăng năng suất cây trồng, con người đã sử dụng biện pháp

- A. trồng xen kẽ cây ưa bóng dưới tán cây ưa sáng.
- B. phun thuốc bảo vệ thực vật.
- C. trồng cây với mật độ dày.
- D. trồng cây với mật độ thưa.

Câu 8. Để tạo ưu thế lai ở động vật, người ta chủ yếu dùng phương pháp nào?

- A. Lai kinh tế.
- B. Lai khác dòng.
- C. Lai phân tích.
- D. Tự thụ phấn.

Câu 9. Chim cu gáy thường xuyên giao phối gần không bị thoái hóa vì hiện tại chúng đang mang những cặp gen

- A. dị hợp không gây hại.
- B. dị hợp luôn có lợi.
- C. đồng hợp không gây hại.
- D. trong cơ thể đều có lợi.

Câu 10. Nhiều loài chim di cư có thể bay được hàng nghìn kilômet đến nơi ấm áp để tránh mùa đông giá lạnh. Nhân tố nào giúp các loài chim này định hướng di chuyển trong không gian?

- A. Độ ẩm.
- B. Nhiệt độ.
- C. Ánh sáng.
- D. Không khí.

Câu 11. Khi nói về giới hạn sinh thái, phát biểu nào SAI?

- A. Ngoài giới hạn chịu đựng, sinh vật sẽ không thể tồn tại được.
- B. Giới hạn sinh thái về nhiệt độ của các loài khác nhau.
- C. Giới hạn sinh thái về nhiệt độ của các loài đều giống nhau.
- D. Trong khoảng thuận lợi, sinh vật sinh trưởng và phát triển tốt.

Câu 12. Cá rô phi có giới hạn chịu đựng về nhiệt độ là 5°C đến 42°C, điểm cực thuận là 30°C. Nhận định nào sau đây là ĐÚNG?

- A. Trong khoảng từ 5°C đến 42°C cá rô phi sẽ chết.
- B. Cá rô phi sinh trưởng và phát triển kém ở nhiệt độ 30°C.
- C. Cá rô phi sinh trưởng và phát triển thuận lợi trong khoảng nhiệt độ từ 5°C đến 42°C.
- D. Cá rô phi sinh trưởng và phát triển thuận lợi khi nhiệt độ dưới 5°C và trên 42°C.

Câu 13. Tại sao không dùng con lai F1 để làm giống?

- A. Vì con lai F1 là cơ thể đồng hợp, nếu đem làm giống sẽ tạo ra các tổ hợp gen trội biểu hiện kiểu hình có hại.
- B. Vì con lai F1 là cơ thể đồng hợp, nếu đem làm giống sẽ tạo ra các tổ hợp gen lặn biểu hiện kiểu hình có hại.
- C. Vì con lai F1 là cơ thể dị hợp, nếu đem làm giống sẽ tạo ra các tổ hợp gen lặn biểu hiện kiểu hình có hại.
- D. Vì con lai F1 là cơ thể dị hợp, nếu đem làm giống sẽ tạo ra các tổ hợp gen trội biểu hiện kiểu hình có hại.

Câu 14. Trong sản xuất, biện pháp để giảm sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể sinh vật, làm tăng năng suất vật nuôi là

- A. nuôi nhiều vật nuôi trong cùng một chuồng nuôi.
- B. nhốt riêng con đực và con cái.
- C. tách đàn khi số lượng vật nuôi lớn.
- D. tiêm phòng bệnh đầy đủ.

Câu 15. Giới hạn sinh thái là giới hạn chịu đựng của cơ thể sinh vật đối với

- A. tất cả các nhân tố sinh thái tác động lên sinh vật.
- B. một số nhân tố sinh thái hữu sinh.
- C. môi trường sống của chúng.
- D. một nhân tố sinh thái nhất định.

Câu 16. Ở thực vật, tỉ lệ thể đồng hợp và thể dị hợp biến đổi như thế nào qua các thế hệ tự thụ phấn bắt buộc?

- A. Tỉ lệ thể đồng hợp giảm, thể dị hợp tăng.
- B. Tỉ lệ thể đồng hợp tăng, thể dị hợp không đổi.
- C. Tỉ lệ thể đồng hợp và thể dị hợp không thay đổi.
- D. Tỉ lệ thể đồng hợp tăng, thể dị hợp giảm.

Câu 17. Quần thể sinh vật là

- A. tập hợp những cá thể khác loài, sinh sống trong một khoảng không gian nhất định.
- B. tập hợp nhiều quần thể sinh vật thuộc các loài khác nhau, cùng sống trong một không gian nhất định và không có mối quan hệ mật thiết với nhau.
- C. tập hợp nhiều quần thể sinh vật thuộc các loài khác nhau, cùng sống trong một không gian nhất định và có mối quan hệ mật thiết với nhau.
- D. tập hợp những cá thể cùng loài, cùng sống trong một khu vực nhất định, ở một thời điểm nhất định và có khả năng sinh sản tạo thành những thế hệ mới.

Câu 18. Trong chọn giống, phương pháp giao phối cận huyết KHÔNG có vai trò nào?

- A. Duy trì một số tính trạng mong muốn.
- B. Đánh giá kiểu gen từng dòng.
- C. Tập trung các gen trội có lợi vào thế hệ sau.
- D. Phát hiện gen xấu để loại ra khỏi quần thể.

Câu 19. Môi trường sống của sinh vật là nơi

- A. sinh vật tìm kiếm thức ăn, nước uống trên mặt đất, trong nước.
- B. sinh sống của sinh vật, bao gồm tất cả những gì bao quanh chúng.
- C. sinh vật kiếm ăn và làm chỗ ở trong nước, mặt đất, trong không khí.
- D. sinh vật sinh trưởng, phát triển, sinh sản.

Câu 20. Phát biểu nào ĐÚNG về đặc điểm của hiện tượng ưu thế lai?

- A. Ưu thế lai là hiện tượng các thế hệ con cháu có sức sống kém dần, bộc lộ các tính trạng xấu, năng suất giảm.
- B. Ưu thế lai biểu hiện thấp nhất ở F1 sau đó tăng dần qua các thế hệ.
- C. Ưu thế lai là hiện tượng cơ thể lai F1 có sức sống cao hơn, sinh trưởng nhanh hơn nhưng khả năng chống chịu với các điều kiện xấu của môi trường kém hơn, năng suất thấp hơn trung bình giữa hai bố mẹ.
- D. Ưu thế lai biểu hiện cao nhất ở F1 sau đó giảm dần qua các thế hệ.

Câu 21. Muốn duy trì ưu thế lai cần sử dụng phương pháp nào?

- A. Lai phân tích.
- B. Nhân giống vô tính.
- C. Nhân giống hữu tính.
- D. Lai kinh tế.

Câu 22. Tầm gửi sống trên thân cây bưởi. Môi trường sống của tầm gửi là

- A. môi trường không khí.
- B. môi trường mặt đất.
- C. trên cạn.
- D. sinh vật.

Câu 23. Dựa vào ảnh hưởng của độ ẩm lên đời sống thực vật, thực vật được chia thành hai nhóm là

- A. thực vật ưa ẩm và thực vật chịu hạn.
- B. thực vật ưa nóng và thực vật ưa lạnh.
- C. thực vật ưa ẩm và thực vật ưa khô.
- D. thực vật ưa sáng và thực vật ưa tối.

Câu 24. Trường hợp nào dẫn đến sự cạnh tranh giữa các sinh vật cùng loài?

- A. Vào mùa sinh sản các cá thể đực cái tìm đến nhau.
- B. Chỗ ở đầy đủ, mật độ cá thể phù hợp.
- C. Số lượng các cá thể tăng lên quá cao.
- D. Nguồn thức ăn trong môi trường dồi dào.

Câu 25. Thú có túi sống phổ biến ở khắp châu Úc. Cừu được nhập vào châu Úc, thích ứng với môi trường sống mới dễ dàng và phát triển mạnh, giành lấy những nơi ở tốt, làm cho nơi ở của thú có túi phải thu hẹp lại. Quan hệ giữa cừu và thú có túi trong trường hợp này là mối quan hệ

- A. hội sinh.
- B. cộng sinh.
- C. động vật ăn thịt và con mồi.
- D. cạnh tranh khác loài.

Câu 26. Sinh vật nào là sinh vật hằng nhiệt?

- A. Bò sát.
- B. Cá.
- C. Thú.
- D. Lưỡng cư.

Câu 27. Một số động vật cơ thể có kích thước lớn, lông và lớp mỡ dưới da dày là đặc trưng của động vật sống ở môi trường

- A. ít ánh sáng.
- B. lạnh giá.
- C. ẩm ướt.
- D. khô hạn.

Câu 28. Dựa vào ảnh hưởng của ánh sáng lên đời sống động vật, động vật được chia thành hai nhóm là nhóm động vật

- A. ưa ẩm và chịu hạn.
- B. ưa sáng và ưa bóng.
- C. ưa sáng và ưa tối.
- D. ưa nóng và ưa lạnh.

Câu 29. Biểu hiện nào KHÔNG PHẢI của hiện tượng thoái hóa do giao phối gần ở động vật?

- A. Sinh trưởng, phát triển nhanh.
- B. Quái thai.
- C. Khả năng sinh sản giảm.
- D. Dị tật bẩm sinh.

Câu 30. Những cây sống ở nơi có ánh sáng yếu (trong nhà, dưới tán của cây khác) như cây lá lốt, cây vạ niên thanh thuộc nhóm cây

- A. ưa bóng.
- B. ưa sáng.
- C. ưa ẩm.
- D. ưa khô.

Câu 31. Cây bàng, cây phượng vĩ là cây ưa sáng, chúng thường sống ở

- A. nơi nhiều ánh sáng tán xạ.
- B. nơi quang đãng.
- C. nơi có ánh sáng yếu.
- D. dưới tán cây khác.

Câu 32. Về mùa đông giá lạnh, hiện tượng rụng lá ở các cây xanh vùng ôn đới có tác dụng làm

- A. tăng diện tích tiếp xúc với không khí lạnh, tăng thoát hơi nước.
- B. giảm diện tích tiếp xúc với không khí lạnh, tăng thoát hơi nước.
- C. tăng diện tích tiếp xúc với không khí lạnh, giảm thoát hơi nước.
- D. giảm diện tích tiếp xúc với không khí lạnh, giảm thoát hơi nước.

Câu 33. Phát biểu nào SAI về nhân tố sinh thái?

- A. Gồm nhân tố sinh thái vô sinh và nhóm nhân tố sinh thái hữu sinh.
- B. Là những nhân tố của môi trường tác động lên sinh vật.
- C. Là những nhân tố của môi trường tác động ít hoặc không tác động lên sinh vật.
- D. Nhóm nhân tố hữu sinh được chia thành nhóm nhân tố con người và nhóm các sinh vật khác.

Câu 34. Để tạo ưu thế lai ở thực vật, người ta chủ yếu dùng phương pháp nào?

- A. Tự thụ phấn.
- B. Lai kinh tế.
- C. Lai phân tích.
- D. Lai khác dòng.

Câu 35. Ví dụ nào là quần thể sinh vật?

- A. Tập hợp các cá thể rắn hổ mang, cú mèo, chuột chũi sống trong rừng mưa nhiệt đới.
- B. Tập hợp cá thể dê, bò, nai trên một đồng cỏ.
- C. Các cá thể chuột đồng trên cánh đồng lúa.
- D. Tập hợp cá chép, cá mè, cá rô phi sống chung trong một ao.

Câu 36. Trong thực tế, để khắc phục hiện tượng ưu thế lai ở thực vật giảm dần qua các thế hệ, người ta dùng phương pháp

- A. tự thụ phấn.
- B. lai kinh tế.
- C. giâm, chiết cành.
- D. lai khác thứ.

Câu 37. Một quần thể lợn rừng có số lượng cá thể ở các nhóm tuổi như sau:

- Nhóm tuổi trước sinh sản: 26 con/ha

- Nhóm tuổi sinh sản: 62 con/ha

- Nhóm tuổi sau sinh sản: 10 con/ha

Biểu đồ tháp tuổi phù hợp với quần thể lợn rừng này là

- A. dạng phát triển.
- B. dạng ổn định.
- C. dạng biến thiên.
- D. dạng giảm sút.

Câu 38. Mối quan hệ cộng sinh là sự hợp tác

- A. giữa các loài cùng nhau kiếm ăn và chống kẻ thù.
- B. cùng hỗ trợ nhau giữa các sinh vật cùng loài.
- C. giữa 2 loài sinh vật, trong đó một bên có lợi còn một bên không có lợi cũng không có hại.
- D. cùng có lợi giữa các loài sinh vật.

Câu 39. Loài A có giới hạn chịu đựng về nhiệt độ là: 10°C đến 38,5°C, điểm cực thuận là 24°C. Loài B có giới hạn chịu đựng về nhiệt độ là: 10,6°C đến 32°C, điểm cực thuận là 22°C. Nhận định nào sau đây là ĐÚNG?

- A. Vùng phân bố của loài A hẹp hơn loài B vì có điểm cực thuận thấp hơn.
- B. Vùng phân bố của loài B rộng hơn loài A vì có giới hạn dưới cao hơn.
- C. Vùng phân bố của loài A rộng hơn loài B vì có giới hạn dưới thấp hơn.
- D. Vùng phân bố của loài A rộng hơn loài B vì có giới hạn chịu nhiệt rộng hơn.

Câu 40. Trong những đặc trưng của quần thể, đặc trưng nào quan trọng nhất?

- A. Thành phần nhóm tuổi.
- B. Tỷ lệ giới tính.
- C. Tỷ lệ tử vong.
- D. Mật độ quần thể.

----- (HẾT) -----
(Học sinh làm bài ra giấy kiểm tra và nộp lại đề)

Họ và tên học sinh:Lớp:

Tô vào một ô tròn trong phiếu trả lời trắc nghiệm tương ứng với một chữ cái A, B, C hoặc D đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Để tạo ưu thế lai ở thực vật, người ta chủ yếu dùng phương pháp nào?

- A. Tự thụ phấn. B. Lai kinh tế. C. Lai khác dòng. D. Lai phân tích.

Câu 2. Loài A có giới hạn chịu đựng về nhiệt độ là: 10°C đến 38,5°C, điểm cực thuận là 24°C. Loài B có giới hạn chịu đựng về nhiệt độ là: 10,6°C đến 32°C, điểm cực thuận là 22°C. Nhận định nào sau đây là ĐÚNG?

- A. Vùng phân bố của loài A hẹp hơn loài B vì có điểm cực thuận thấp hơn.
B. Vùng phân bố của loài B rộng hơn loài A vì có giới hạn dưới cao hơn.
C. Vùng phân bố của loài A rộng hơn loài B vì có giới hạn chịu nhiệt rộng hơn.
D. Vùng phân bố của loài A rộng hơn loài B vì có giới hạn dưới thấp hơn.

Câu 3. Trong chọn giống, phương pháp giao phối cận huyết KHÔNG có vai trò nào?

- A. Đánh giá kiểu gen từng dòng.
B. Duy trì một số tính trạng mong muốn.
C. Tập trung các gen trội có lợi vào thế hệ sau.
D. Phát hiện gen xấu để loại ra khỏi quần thể.

Câu 4. Quần thể sinh vật là

- A. tập hợp những cá thể khác loài, sinh sống trong một khoảng không gian nhất định.
B. tập hợp nhiều quần thể sinh vật thuộc các loài khác nhau, cùng sống trong một không gian nhất định và không có mối quan hệ mật thiết với nhau.
C. tập hợp nhiều quần thể sinh vật thuộc các loài khác nhau, cùng sống trong một không gian nhất định và có mối quan hệ mật thiết với nhau.
D. tập hợp những cá thể cùng loài, cùng sống trong một khu vực nhất định, ở một thời điểm nhất định và có khả năng sinh sản tạo thành những thế hệ mới.

Câu 5. Chim cu gáy thường xuyên giao phối gần không bị thoái hóa vì hiện tại chúng đang mang những cặp gen

- A. dị hợp không gây hại. B. trong cơ thể đều có lợi.
C. dị hợp luôn có lợi. D. đồng hợp không gây hại.

Câu 6. Sinh vật thuộc nhóm động vật ưa ẩm là

- A. thằn lằn. B. ếch. C. bọ cạp. D. lạc đà.

Câu 7. Dựa vào ảnh hưởng của nhiệt độ lên đời sống sinh vật, sinh vật được chia thành hai nhóm là nhóm sinh vật

- A. ưa sáng và ưa tối. B. biến nhiệt và hằng nhiệt.
C. ưa lạnh và chịu hạn. D. ưa nóng và ưa lạnh.

Câu 8. Ở thực vật, tỉ lệ thể đồng hợp và thể dị hợp biến đổi như thế nào qua các thế hệ tự thụ phân bắt buộc?

- A. Tỉ lệ thể đồng hợp tăng, thể dị hợp giảm.
B. Tỉ lệ thể đồng hợp và thể dị hợp không thay đổi.
C. Tỉ lệ thể đồng hợp tăng, thể dị hợp không đổi.
D. Tỉ lệ thể đồng hợp giảm, thể dị hợp tăng.

Câu 9. Ví dụ nào là quần thể sinh vật?

- A. Tập hợp các cá thể rắn hổ mang, cú mèo, chuột chũi sống trong rừng mưa nhiệt đới.
B. Tập hợp cá chép, cá mè, cá rô phi sống chung trong một ao.
C. Tập hợp cá thể dê, bò, nai trên một đồng cỏ.
D. Các cá thể chuột đồng trên cánh đồng lúa.

Câu 10. Thú có túi sống phổ biến ở khắp châu Úc. Cừu được nhập vào châu Úc, thích ứng với môi trường sống mới dễ dàng và phát triển mạnh, giành lấy những nơi ở tốt, làm cho nơi ở của thú có túi phải thu hẹp lại. Quan hệ giữa cừu và thú có túi trong trường hợp này là mối quan hệ

- A. cộng sinh.
- B. động vật ăn thịt và con mồi.
- C. hội sinh.
- D. cạnh tranh khác loài.

Câu 11. Biểu hiện nào KHÔNG PHẢI của hiện tượng thoái hóa do giao phối gần ở động vật?

- A. Sinh trưởng, phát triển nhanh.
- B. Khả năng sinh sản giảm.
- C. Di tật bẩm sinh.
- D. Quái thai.

Câu 12. Giới hạn sinh thái là giới hạn chịu đựng của cơ thể sinh vật đối với

- A. một nhân tố sinh thái nhất định.
- B. tất cả các nhân tố sinh thái tác động lên sinh vật.
- C. một số nhân tố sinh thái hữu sinh.
- D. môi trường sống của chúng.

Câu 13. Cây bàng, cây phượng vĩ là cây ưa sáng, chúng thường sống ở

- A. nơi quang đãng.
- B. dưới tán cây khác.
- C. nơi nhiều ánh sáng tán xạ.
- D. nơi có ánh sáng yếu.

Câu 14. Những cây sống ở nơi có ánh sáng yếu (trong nhà, dưới tán của cây khác) như cây lá lốt, cây vạu niên thanh thuộc nhóm cây

- A. ưa bóng.
- B. ưa khô.
- C. ưa sáng.
- D. ưa ẩm.

Câu 15. Dựa vào ảnh hưởng của độ ẩm lên đời sống thực vật, thực vật được chia thành hai nhóm là

- A. thực vật ưa nóng và thực vật ưa lạnh.
- B. thực vật ưa ẩm và thực vật ưa khô.
- C. thực vật ưa ẩm và thực vật chịu hạn.
- D. thực vật ưa sáng và thực vật ưa tối.

Câu 16. Về mùa đông giá lạnh, hiện tượng rụng lá ở các cây xanh vùng ôn đới có tác dụng làm

- A. tăng diện tích tiếp xúc với không khí lạnh, tăng thoát hơi nước.
- B. giảm diện tích tiếp xúc với không khí lạnh, giảm thoát hơi nước.
- C. tăng diện tích tiếp xúc với không khí lạnh, giảm thoát hơi nước.
- D. giảm diện tích tiếp xúc với không khí lạnh, tăng thoát hơi nước.

Câu 17. Cá rô phi có giới hạn chịu đựng về nhiệt độ là 5°C đến 42°C, điểm cực thuận là 30°C. Nhận định nào sau đây là ĐÚNG?

- A. Trong khoảng từ 5°C đến 42°C cá rô phi sẽ chết.
- B. Cá rô phi sinh trưởng và phát triển thuận lợi trong khoảng nhiệt độ từ 5°C đến 42°C.
- C. Cá rô phi sinh trưởng và phát triển thuận lợi khi nhiệt độ dưới 5°C và trên 42°C.
- D. Cá rô phi sinh trưởng và phát triển kém ở nhiệt độ 30°C.

Câu 18. Một số động vật cơ thể có kích thước lớn, lông và lớp mỡ dưới da dày là đặc trưng của động vật sống ở môi trường

- A. lạnh giá.
- B. ẩm ướt.
- C. ít ánh sáng.
- D. khô hạn.

Câu 19. Trong những đặc trưng của quần thể, đặc trưng nào quan trọng nhất?

- A. Tỷ lệ tử vong.
- B. Thành phần nhóm tuổi.
- C. Mật độ quần thể.
- D. Tỷ lệ giới tính.

Câu 20. Phát biểu nào SAI về nhân tố sinh thái?

- A. Gồm nhân tố sinh thái vô sinh và nhóm nhân tố sinh thái hữu sinh.
- B. Là những nhân tố của môi trường tác động lên sinh vật.
- C. Nhóm nhân tố hữu sinh được chia thành nhóm nhân tố con người và nhóm các sinh vật khác.

D. Là những nhân tố của môi trường tác động ít hoặc không tác động lên sinh vật.

Câu 21. Trong thực tế, để khắc phục hiện tượng ưu thế lai ở thực vật giảm dần qua các thế hệ, người ta dùng phương pháp

- A. tự thụ phấn. B. giâm, chiết cành. C. lai khác thứ. D. lai kinh tế.

Câu 22. Mối quan hệ cộng sinh là sự hợp tác

- A. giữa 2 loài sinh vật, trong đó một bên có lợi còn một bên không có lợi cũng không có hại.
B. cùng có lợi giữa các loài sinh vật.
C. giữa các loài cùng nhau kiếm ăn và chống kẻ thù.
D. cùng hỗ trợ nhau giữa các sinh vật cùng loài.

Câu 23. Trường hợp nào dẫn đến sự cạnh tranh giữa các sinh vật cùng loài?

- A. Vào mùa sinh sản các cá thể đực cái tìm đến nhau.
B. Số lượng các cá thể tăng lên quá cao.
C. Nguồn thức ăn trong môi trường dồi dào.
D. Chỗ ở đầy đủ, mật độ cá thể phù hợp.

Câu 24. Cho các ví dụ sau:

- (1) Cây nắp ấm bắt côn trùng.
(2) Dê và bò cùng ăn cỏ trên một cánh đồng.
(3) Cá ép bám vào rùa biển, nhờ đó cá được đưa đi xa.
(4) Dây tơ hồng sống trên cây nhãn.

Những ví dụ thể hiện mối quan hệ hỗ trợ giữa các sinh vật khác loài là

- A. (2) và (3). B. (1) và (2). C. (1) và (4). D. (3) và (4).

Câu 25. Muốn duy trì ưu thế lai cần sử dụng phương pháp nào?

- A. Nhân giống vô tính. B. Lai phân tích.
C. Lai kinh tế. D. Nhân giống hữu tính.

Câu 26. Trong thực tiễn sản xuất nông nghiệp, dựa vào khả năng thích nghi với điều kiện chiếu sáng khác nhau, để tăng năng suất cây trồng, con người đã sử dụng biện pháp

- A. trồng xen kẽ cây ưa bóng dưới tán cây ưa sáng.
B. phun thuốc bảo vệ thực vật.
C. trồng cây với mật độ dày.
D. trồng cây với mật độ thưa.

Câu 27. Tại sao không dùng con lai F1 để làm giống?

- A. Vì con lai F1 là cơ thể dị hợp, nếu đem làm giống sẽ tạo ra các tổ hợp gen lặn biểu hiện kiểu hình có hại.
B. Vì con lai F1 là cơ thể dị hợp, nếu đem làm giống sẽ tạo ra các tổ hợp gen trội biểu hiện kiểu hình có hại.
C. Vì con lai F1 là cơ thể đồng hợp, nếu đem làm giống sẽ tạo ra các tổ hợp gen trội biểu hiện kiểu hình có hại.
D. Vì con lai F1 là cơ thể đồng hợp, nếu đem làm giống sẽ tạo ra các tổ hợp gen lặn biểu hiện kiểu hình có hại.

Câu 28. Trong sản xuất, biện pháp để giảm sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể sinh vật, làm tăng năng suất vật nuôi là

- A. tiêm phòng bệnh đầy đủ.
B. tách đàn khi số lượng vật nuôi lớn.
C. nhốt riêng con đực và con cái.
D. nuôi nhiều vật nuôi trong cùng một chuồng nuôi.

Câu 29. Nhiều loài chim di cư có thể bay được hàng nghìn kilômet đến nơi ấm áp để tránh mùa đông giá lạnh. Nhân tố nào giúp các loài chim này định hướng di chuyển trong không gian?

- A. Ánh sáng. B. Không khí. C. Độ ẩm. D. Nhiệt độ.

Câu 30. Sinh vật nào là sinh vật hằng nhiệt?

A. Thú.

B. Cá.

C. Bò sát.

D. Lưỡng cư.

Câu 31. Chuột sống trong rừng mưa nhiệt đới có thể chịu ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái như cây cỏ, gỗ mục, kiến, độ ẩm, ánh sáng, ếch nhái, sâu ăn lá cây, thảm lá khô.

Nhóm nhân tố sinh thái hữu sinh tác động lên chuột là

A. cây cỏ, kiến, ếch nhái, thảm lá khô.

B. gỗ mục, độ ẩm, ánh sáng, thảm lá khô.

C. cây cỏ, kiến, ếch nhái, sâu ăn lá cây.

D. gỗ mục, độ ẩm, ếch nhái, sâu ăn lá cây.

Câu 32. Nhóm động vật ưa sáng là

A. vịt, bò câu, dơi.

B. dê, bò, cú mèo.

C. ngựa, trâu, bò.

D. cú mèo, ếch nhái, dơi.

Câu 33. Tự thụ phấn ở cây giao phấn gây ra hiện tượng thoái hóa vì tạo ra các cặp gen

A. dị hợp có lợi.

B. dị hợp gây hại.

C. trội đồng hợp gây hại.

D. lặn đồng hợp gây hại.

Câu 34. Để tạo ưu thế lai ở động vật, người ta chủ yếu dùng phương pháp nào?

A. Lai khác dòng.

B. Lai phân tích.

C. Lai kinh tế.

D. Tự thụ phấn.

Câu 35. Dựa vào ảnh hưởng của ánh sáng lên đời sống động vật, động vật được chia thành hai nhóm là nhóm động vật

A. ưa ẩm và chịu hạn.

B. ưa sáng và ưa tối.

C. ưa nóng và ưa lạnh.

D. ưa sáng và ưa bóng.

Câu 36. Khi nói về giới hạn sinh thái, phát biểu nào SAI?

A. Trong khoảng thuận lợi, sinh vật sinh trưởng và phát triển tốt.

B. Giới hạn sinh thái về nhiệt độ của các loài đều giống nhau.

C. Ngoài giới hạn chịu đựng, sinh vật sẽ không thể tồn tại được.

D. Giới hạn sinh thái về nhiệt độ của các loài khác nhau.

Câu 37. Phát biểu nào ĐÚNG về đặc điểm của hiện tượng ưu thế lai?

A. Ưu thế lai biểu hiện cao nhất ở F1 sau đó giảm dần qua các thế hệ.

B. Ưu thế lai là hiện tượng cơ thể lai F1 có sức sống cao hơn, sinh trưởng nhanh hơn nhưng khả năng chống chịu với các điều kiện xấu của môi trường kém hơn, năng suất thấp hơn trung bình giữa hai bố mẹ.

C. Ưu thế lai biểu hiện thấp nhất ở F1 sau đó tăng dần qua các thế hệ.

D. Ưu thế lai là hiện tượng các thế hệ con cháu có sức sống kém dần, bộc lộ các tính trạng xấu, năng suất giảm.

Câu 38. Tâm gửi sống trên thân cây buri. Môi trường sống của tâm gửi là

A. môi trường mặt đất.

B. môi trường không khí.

C. sinh vật.

D. trên cạn.

Câu 39. Một quần thể lợn rừng có số lượng cá thể ở các nhóm tuổi như sau:

- Nhóm tuổi trước sinh sản: 26 con/ha

- Nhóm tuổi sinh sản: 62 con/ha

- Nhóm tuổi sau sinh sản: 10 con/ha

Biểu đồ tháp tuổi phù hợp với quần thể lợn rừng này là

A. dạng giảm sút.

B. dạng biến thiên.

C. dạng ổn định.

D. dạng phát triển.

Câu 40. Môi trường sống của sinh vật là nơi

A. sinh vật kiếm ăn và làm chỗ ở trong nước, mặt đất, trong không khí.

B. sinh vật sinh trưởng, phát triển, sinh sản.

C. sinh vật tìm kiếm thức ăn, nước uống trên mặt đất, trong nước.

D. sinh sống của sinh vật, bao gồm tất cả những gì bao quanh chúng.

----- (HẾT) -----

(Học sinh làm bài ra giấy kiểm tra và nộp lại đề)

